

INDO-CHINOIS
8^e
113

II

QUYỀN THỨ HAI



HÁT A-ĐÀO

PHẠM-VĂN-DUYỆT



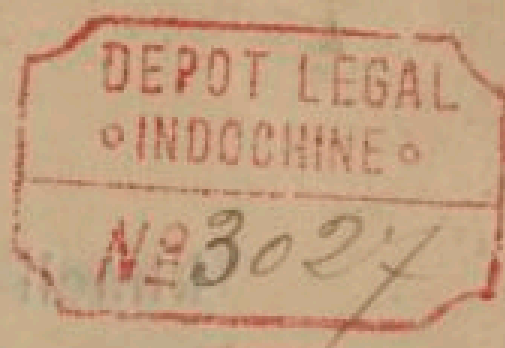
1923

ÉDITÉ PAR L'AUTEUR
Soạn giả giữ bản quyền

Giá : 0 \$ 30

Nom d'auteur *Duyêt (Tham-Vân)*

Titre de l'ouvrage: *Hát a²-đào (Morceaux
de chants) fasc. II.*



Mây nhời phân giải

Hai Lăm trước, tôi vội vàng xuất bản quyển thứ nhất, thời trong bài tựa, tôi đã tỏ bày chủ ý tôi đối với lối hát Ả-đào.

Điều sở ước của tôi có nhẽ thành hiệu quả được, vì sang năm sau đã thấy một nhà văn-học, trong bài diễn thuyết về văn-chương trong lối hát Ả-đào đã tỏ đồng ý với tôi, cho lối hát Ả-đào là lối chơi phong nhã cao thượng; mà văn-chương trong lối hát Ả-đào là một kho tài liệu cho nền quốc-văn ta ngày nay, ta phải nên bảo tồn lấy những bài cổ-văn; ghi chép lấy ý tứ cao thượng của các bậc tiền-nhân.

Kế đó lại tiếp đến những nhà khảo luận về cuộc hát Ả-đào, và nhà làm sách đánh chầu.

Vậy nên tôi lại phải vội vàng mà xuất bản quyển thứ hai này.

Có người hỏi tôi rằng làm sao trong quyển thứ nhất không nói tường tận những cung bậc bài hát, hay là không sánh nghề như bọn ca-nhi chẳng?

Tôi giả nhời rằng: Hát Ả-đào có tinh thần, và có hình thức. Tinh thần là văn-chương trong bài hát; hình thức là lối điệu hát. Tôi tưởng hình thức mà không có tinh thần, thời không có lý thú gì; nên chỉ cần khảo cứu lấy văn-chương trước, rồi thể-cách hát tôi xin giảng giải về sau. Vả lại mỗi lối hát là một khoa Âm-nhạc. Xưa nay cách-diệu một khoa âm-nhạc chưa thể chỉ lấy ngòi bút mà truyền được. Có chẳng sau này phải nhân các khoa-nhạc học của Thái-Tây, mà lập ra một lối riêng để ghi chép lấy những điệu hát của ta. Hiện tôi đương khảo xét phép đó, để ghi chép lối hát chèo. Nếu lối « hát chèo » mà ghi chép được, thời âm-luật lối hát Ả-đào cũng không khó gì.

Song ngày nay, những nhà khảo luận về lối hát Ả-đào thời nhiều, sợ rằng độc giả, là các vị phong lưu dật

khách thấy những luận thuyết khó khăn, mà chẳng khỏi nghi nan, cho nên tôi phải phân giải những điều cốt yếu, như sau này :

Căn nguyên

Căn nguyên lối hát Ả-đào từ đâu mà ra, có tự đời nào, hẳn chưa ai quyết đoán được. Song cũng phỏng biết rằng về đời Lê-triều âm-nhạc đang thịnh hành. Về khoản năm Hồng-đức (1470) đã chấn chỉnh các âm nhạc, mà Ả-đào mới có Giáo-phường cũng có từng đấy. Nhưng ta nên nhận biết rằng ở Đông phương ta, dù âm-nhạc là một bộ phận về việc tế lễ, điệu hát Ả-đào cũng là thứ âm-nhạc dùng về việc : Tế Giao, tế Miếu, lễ triều-hạ, lễ khánh-hạ ở trong các cung vua phủ chúa, trong các cửa quyền qui mà thôi, chứ không phải là việc đàn hát của dân-gian chơi. Nói rằng có đặt ra bộ Giáo-phường, là chẳng qua cũng vì tế lễ, nghĩa là đặt ra để cho dân-gian có âm-nhạc mà tế thánh thần trong các đình các phủ, chứ cũng không để cho nhân dân chơi như ngày nay.

Vậy Giáo-phường là một nghề chuyên môn để cung ứng về việc tế tự cho dân, thử xem những bài giáo-hương, giáo trống vân vân . . . toàn là những bài nhà nghề hiến lễ ở các cửa đình cửa phủ, khác nào như các khoa cúng, khoa châu văn vậy. Nghề này họ cha truyền con nối cho nhau, trên phải luân lượt kẻ quyền qui để sinh nhai, dưới phải lập đoàn-thể để giữ nghề với nhau. Cũng phải tựa vào thần quyền, phụng sự một ông thánh-sư để giữ trật tự trên dưới. Trong một phường đàn ông đàn bà nhón nhỏ điều có việc cả : người hát, người đàn, người phách v. v. Đàn ông cũng có hát chứ không phải chỉ đàn bà hát mà thôi.

Như vậy, đào-nương nước ta không phải là người kỹ-nữ, và lối áp-kỹ như các nước, thời nước ta chưa có vậy.

Gián hoặc, vào khoảng độ 50, 60 năm nay các cụ cao hứng nhiều, một vài cụ nhân điệu hát nói mà đặt thêm ra nhiều bài, rồi bắt đào-nương hát. Gián hoặc trong bọn ca-nhi cũng nảy ra một vài tay, am hiểu được cái

chỉ thú chơi của các cụ, là chơi có nghĩa lý có văn-chương có tinh thần, có khi khái, mà ứng đáp được với các cụ, từ đó hầu như chữ « tài tử giai nhân » đã chiếm một địa vị ở trong giáo phường. Đến tận ngày nay kể văn-chương người tài-sắc vẫn cho ở đấy mà ra.

Khốn thay phong trào, mỗi ngày mỗi đổi, trong đám văn-chương tài-sắc ấy, xem ra dường như không còn có chân tinh như xưa nữa : quan viên phong-nhã thời không được như các cụ khi xưa, đào-nương thời không tinh nghệ, thành ra cho giáo phường là xóm Bình-khang, là nơi Hồng-lầu ; để cho bất cứ hạng người nào có tiền cũng bước chân vào được.

Cũng khả tiếc cho khoa quốc-nhạc, mà nay cho là một cuộc quái gở của xã-hội, vì hề nói truyện đến hát ả-dào thời các vị phu nhân quắc mắt, các nhà đạo đức chau mày.

Vậy đã hiểu căn nguyên lối hát ả-dào đã mất đặc sắc đi rồi, thời bây giờ ta có nên duy trì lấy bộ giáo phường như xưa, và theo đòi các cụ mà trấn chỉnh ca trường lại không ?

Cung Diệu

Diệu hát lưu thoát như nước chảy qua đèo

Diệu hát êm đềm như cơn gió thoảng

Diệu hát âm thầm lạnh lẽ như nước rì rỉ dưới gềnh

Diệu hát xô xát như tiếng hạt châu rơi

Diệu hát hùng dũng như tiếng ngựa lướt đào

Diệu hát bi ai như sầu tuôn nước mắt

Đó là cổ-nhân nghe cung-diệu mà mô-tả ra như vậy.

Các lối hát cốt ở như cung-diệu, cung-diệu do ở giọng hát lên cao xuống thấp, dài hơi ngắn hơi, láy đi láy lại, hát khoan hát mau.

Cung diệu hát ả-dào cũng vậy, nên mới phân ra cung Nam, cung Bắc, cung Huỳnh, cung Pha.

Song khi xưa hát ả-dào là do sự cần dùng trong việc tế tự thời không có chú ý tinh thần cho lắm. Vả lại tinh thần một

bài hát cốt ở như điệu hát thời ít, mà ở như văn hát thời nhiều; nhờ văn cảm kích được ngay trí não người, còn điệu hát là để chuyển dịch vào tai người ta mà thôi.

Ta thử xem những điệu hát cổ, như bài Thét-nhạc, Ngâm-vọng, Dòn-dại thạch, Dịp-ba-cung-bắc vân vân, thời không thấy cảm kích gì, là vì nhờ văn không có cảm-kích, ý-nghĩa gì cả. Đã không có ý nghĩa cảm kích được người ta thời dầu điệu hát có hay cũng vô vị mà thôi.

Thế thời ta lại xem những bài cận-lai đây như là Tỳ-bà, Chức-cầm hồi-văn, Tiền-hậu-Xích-bích, Thiên-thai là do phiên dịch tinh thần cổ văn tàu mà ra, thời người thức giả đời này khi nghe thấy thời cảm giác biết bao. Cho dầu cung điệu những bài ấy tầm thường, nhưng cũng bổ ích cho tinh thần vậy.

Trong nhạc-khoa của ta thời những điệu hát phân ra làm hai thứ. Một là CHÚNG-ĐIỆU nghĩa là điệu hát đã thành lập, đã có mực thước từ đầu chí cuối để cho nhà làm văn hát, cứ theo mực thước ấy mà đặt thêm ra nhiều bài nữa, ví dụ như cung điệu những bài ca Tứ-dại-cảnh, Lưu-thủy, Hành-vân, Cổ-Bản, Nam-thương, Nam-ai, Hát sấm nhà trò v. v.

Hai là ĐỘC-ĐIỆU là những bài hát, văn chỉ có một bài mà thôi, mà hát thì có cung-diệu riêng, không giống những bài hát khác. — Trong lối hát chèo có nhiều độc-diệu nhất, nhiều điệu xưa nay không có tên gì, mà ngay con nhà nghề cũng không nhớ được mực thước, chỉ khẩu truyền cho nhau được bài nào thời biết bài ấy mà thôi.

Trong lối hát ả-dào cũng có Độc-diệu và Chúng-diệu. Chúng điệu xem ra chỉ mới có HÁT-NÓI mà thôi, còn có thể gọi toàn là độc-diệu cả. Những độc-diệu trong hát ả-dào thời hơi phiền phức, vì điệu nào cũng vậy, lúc cao thấp, lên xuống không có mực thước, chỉ lấy câu hát làm ngữ hạn cho nên cũng khó truyền cho nhau. Khi dẫn cho nhau một điệu hát nào thời phải nói chỗ này phải như hát nam, chỗ này phải như hát bắc, chỗ này phải như hát dựng, chỗ này phải như hát huỳnh v. v. . Như vậy, người học hát yên trí rằng trong một đoạn hát chỗ này là nam, chỗ này là bắc, chỗ này là huỳnh. Thành thử ra cung điệu Nam Bắc Huỳnh Hãm Nạo Pha Dựng, lộn bét chẳng phân ra thế nào cả.

Nay giá ai tỉ mỉ mà hỏi thì con nhà nghề không thể giả nhời được.

Những độc-diệu thời đã lộn xộn như vậy. Bây giờ ta thử xem lối Hát-nói cho là Chúng-diệu, thời ra thế nào ?

Nguyên Hát-nói chỉ có hai câu mà thôi — mà điệu hát thời phân ra làm ba đoạn. Cạn lại đây các cụ cho lối Hát-nói là lối Ca-văn, vì trong bài hát cũng có *Thừa Phá Tổng Kết* như là phép làm thơ, mà lại dễ làm lắm. Vì thế các cụ cứ theo mẫu mực ấy mà làm ra nhiều bài.

Đến ngày nay ta thấy văn Hát-nói thường không đúng mẫu mực ấy nữa. Thường thấy bài đôi khổ ra, văn-mạch nhiều câu song lệch. Cái đó là bởi ngón tài tình của các cụ, khi các cụ làm câu văn thích chỉ thời các cụ bỏ cả luật, cho là câu nệ, dẫu có thừa thiếu cũng không can hệ gì đến hát. Rồi bởi đó mà ca-công phải tùy hứng của các cụ, mà phải hát cho kỳ được. Tuy vậy nhưng văn hát-nói dẫu có dài văn khác nhau, nhưng cung điệu vẫn không khác.

Ngón Chơi

Cũng bởi sự cao-hứng của các cụ mà truyền đi mãi đến ngày nay. Những bậc cao hứng như các cụ khi xưa thời nay thành ra một bậc làng chơi, nhưng so ngón chơi với các cụ thời bình như khác hẳn. Ngón chơi của các cụ là lấy văn chương có thể-thái nhân-tình, có ngông, có cảm khái, có phong-lưu, có thanh-nhã mà xướng họa với nhau, mà dựng ca-công đề ngâm-bình cho tiêu khiển. Có thơ phải có rượu, nên chỉ câu thần nói thơ, quỳnh tương chuốc rượu là thú vui của khách tài tình. Còn như khách làng-chơi ngày nay thời dường như cho ngón tài tình là ngón sành-sỏi vậy. Ông quan-viên đặc sắc đời này, thời không cần phải biết thơ, không cần phải xướng họa với ai, chỉ cốt tiếng chầu cho đúng phách, thuộc mười lăm tiếng lóng, hiểu biết lễ-luật cách thức trong nhà cô-dầu ngồi trên chiếu rượu cho sành; câu chuyện cho đậm đà cư sử đừng có quách, ấy cũng là một khoa học khó vậy, biết được cũng phải qua một cái cầu khổ hải, bắc ở trên

bể trầm luân, mà khi qua cầu không khéo không khỏi sa chân đắm đuối. Bởi thế nên đã được là bậc làng-chơi, thời có thể kiêu-hãnh được với người chưa biết.

Vậy thời ngày nay ta cũng nên sửa đổi. Nếu ta muốn lợi dụng lối hát Á-dào này, thời ta phải có một cách thực dễ dàng êm ái, để cho những con nhà tấn-thần khỏi phải dùi lời hòa sắc mà noi theo với những kẻ đeo phách ôm đàn, mới biết được ngón chơi mà vô vị. Vậy thời, khi ta tiêu khiển ở chốn ca-phường thời trước hết ta cốt thưởng thức lấy cái tinh thần văn-chương, mà nhờ cái giọng dịu dàng êm ái của bọn ca nhi ngâm bình cho ta nghe. Rồi ta hội ý mà đem cái nền quốc-văn tân-cựu dung-hòa mà lập một cuộc xướng họa với nhau. Ta cũng lấy câu thơ chén rượu cho thực thanh-nhã mà tiêu khiển trong lúc thanh nhàn. Còn như việc hát ta hãy coi là một nghệ riêng, con nhà nghề rồi tự khắc phải tìm cách mà thừa ững với ta.

Vậy ta không cần phải biết trong bài hát-nói có khổ-đôi, gổi-bạc, đôi-phách nam, đôi phách bắc, đó toàn là những tiếng con nhà nghề đặt ra để dạy lẫn nhau, để mà ững họa cho hát được những bài-văn của các cụ đã đặt ra.

Khi ta nghe hát, ta chỉ cần hát cho rõ ràng, đừng nhằm lẫn, giọng hát cho thanh tao, đàn phách cho tương ứng. Đó là công-việc của nhà giáo-phương, chứ ta không cần phải biết thế nào là hơi gân-con-kiến, phách dài-các, hát ba-dội, hát cướp-lấy, và những tiếng quái-quỉ ở đầu nữa của con nhà nghề bí truyền trong nghệ hát cho nhau.

Khi ta điểm trống thời ta điểm cho rõ mạch văn, cho vui tiếng châu, cho đích đáng tiếng thưởng. Chẳng qua chỉ có tiếng-trống tiếng-tang sắp lại vài tiếng với nhau mà thôi, ta không cần phải phân ra Mai-hoa, Điểm-tuyết, Thùy-châu. Lạc-nhạn, mà rườm rà.

Sách Vũ-Trung-Tùy-Bút của cụ Phạm-đình-Hồ có chép rằng : « Đến đời Cảnh-hưng nhà Lê âm-nhạc đã thất truyền rồi. Những người thích chơi âm-nhạc không có ai mà dò hỏi được, phải theo học bọn ca-công ; bọn ấy đặc chí, chỉ bịa đặt kỳ-quái ra để hời nạt người nghe, mà kỳ thực bọn họ cũng như chim chích vào rừng »



Thét-Nhạc

Từ xưa đến nay đào-nương hay đem bài Thét-nhạc này hát lên đầu. Tôi tưởng cũng có duyên cớ chi đây, mà văn trong bài Thét-nhạc thời tôi tra cứu chữa ra. Trong sách có chỗ nói, hình như bài này là bài cảm-khái của một vị hoàng-thần đời Lê, nhân đêm thanh vắng, nghe thấy tiếng nhạc Thiều trong Phủ Trịnh, mà mô-tả ra những nhời buồn rầu vì nỗi họ Trịnh lộng quyền, xem như mấy câu đầu:

«Đàn ai một tiếng dương tranh, Chung thủa Ngọc-ô chừng nào nùng chiều ai oán. Chầy ai nện tiếng bể bai, Gheo người trướng gấm như xui cơn sầu; Vẳng tai nghe tiếng nhạc Thiều lâu, xa nghe chuông đóng lâu lâu lại ngưng» Thời nghe chừng như có lẽ, nhưng đến câu: *«Kia nhà ai có cái mõ thời»*, thời không phải. Rồi đến những câu ở dưới, như là: *«Tiếc thay mặt ngọc tay ai, vậy là đêm đông trường — Tinh thư một bức, giờ nổi ái ân, v. v.»* thời lại không phải lắm.

Trong sách lại có chỗ nói rằng: đó tức là khúc đàn hay là dịp phách trong Trịnh-phủ, vốn nó chỉ có tiếng chữ không có nhời, người sau nhặt-nhạnh chấp chảnh những nhời phương-ngôn ngạn-ngữ, tùy dịp phách mà hiệp vào, tức như người Thúc-Tích ngày xưa bỏ những nhời thơ Sinh ở Tiểu-nhã kinh Thi như thơ Do-canh Do-nghi vậy. Vì thế nên tiên-nho đã chê Thúc-Tích là vô-vị.

Các cụ lại truyền lại rằng: bài này chính của vua Lê làm ra (không nhớ là vua nào), nhân một đêm ngái cao-hứng với các cận-thần mà đặt bài hát. Ngái làm một bài tức-cảnh, nghĩa là đêm ấy mắt ngái trông thấy gì tai ngái nghe tiếng gì, bụng ngái nghĩ điều gì, thời ngái ứng khẩu ra bài hát. Có nhẽ ngái cũng không phải là ông vua văn-chương cho lắm, vả lại ngái là vua, không ai dám sửa chữa, mà lại phải tán-dương là bài hát-ngự, khi nào hát cũng phải hát lên đầu, rồi mới được hát các bài khác, mà gọi bài ấy là bài Thét-nhạc hay là bài Khởi-nhạc. Có nhẽ ban-nhã-nhạc Lê triều, sắp đặt cung-điệu bài này, cho nên điệu hát nghe vẫn có hùng hồn và có vẻ thái-bình vui-vẻ.

Các cụ truyền lại như vậy, không biết đã phải chưa.

Còn như bài vắn, thời ý hẳn kể từng câu, thời cũng có ý nghĩa riêng gì đấy, lâu ngày không ai nhớ đó mà thôi, nếu kể cả bài thời nghe chùng-chẳng, lảm-nhảm thực, lại hiềm vì ngày nay mỗi vùng hát một khác, chỗ hát bài dài, chỗ hát bài vắn, người hát câu thể này, người hát câu thể khác, kể ra thời nhiều, nhưng tôi hãy sao một bản ở dưới này mà thôi:

Bài Hát

Đàn ai một tiếng dương tranh ?
Chung thươ Ngọc-ô chừng nảo-nùng ! chiều ai-oán !
Chầy ai nện tiếng bẻ-bai ?
Gheo người trưởng gấm như xui cơn sầu !
Vẳng tai nghe tiếng nhạc Triều tàu,
Xa nghe chuông dóng lâu lâu lại dừng.

* * *

Nhớ từ thươ hơi dương đầm ấm,
Năm thức mây che, rờ-rờ ngát giới.
Kia nhà ai có cái mô thôi?
Lênh-đênh chiều thêm-thiếp hồn mai.
Đoạn sầu này biết thỏ cùng ai !
Dường nghe tiếng khánh bên tai,
Hiềm vì một nỗi niềm tây.
Tiếng đỉnh-đương, khúc ca xương, thôi khoan lại nhặt.
Chửa hay là một nguyệt hay hai.
Thiết-tha thay dằng-dẵng đêm dài.
Ngồi nghe tiếng chầy, Lãng-uyên hoa bay.
Khắc-khoái luống thâu đêm phảng-phất
Sầu tuôn khôn nhận, luống những lo toan.
Vậy là đêm đông trường.

* * *

Nam-Thiên dài vẽ mây rồng rờ rờ.
Mừng xuân ngạt ngào.
Lá Ngô-đồng rụng, một lá ngô bay.

Xương lọt cây, thỏ lọt mây,
Đêm đông dài, ngồi nghe tiếng chầy.
Sông hồ nước biếc, chín khúc uốn quanh.
Đáy nước long-lanh, dạo chơi thủy-đỉnh.
Nguyệt tà xê-xế, bóng dài chênh-chênh.
Trên không, trông thỏ lọt canh chầy.
Buổi thần hôn, trơ mặt ngọc đầy-dầy.
Thấy khách buồn thay, vì đêm đông trường !

Nguyệt dài tường đầu,
Đồng vọng thu-lâu.
Rền tiếng đỉnh đang,
Gheo lòng người thiếu-nữ.
Cải mặt đường vương
Chầy nện tương tư sâu.
Vô-vô buồng hương,
Thiếp những nhớ thương !
Hỏi người cố nhân.
Tình thư một bức,
Giờ nôi ái ân.
Nặng tương tư sâu.

Ngâm Vọng

Bài này là chị em ruột với bài Thét-nhạc.

Vì không những là khi đào-nương hát Thét-nhạc xong, thời hát đến Ngâm-vọng, mà vẫn hát cũng chùc chắc khó hiểu như nhau.

Bài này cũng có nhiều bản : bản thời dài bản thời vắn, xét ra thời có đã lâu lắm, mà nguyên-bản

thời chỉ có mười lăm câu thôi, còn thời mới đặt thêm ra. Ý hẳn, các tác-giả mới đây cũng không hiểu ý nghĩa nguyên-văn, mà đem ý từ bài Thiên-Thai mà thêm bớt vào bài này, nhưng kỳ thực bài Ngâm-vọng chính là bài Vọng-Tiên.

Nguyên vua Lê-thánh-Tôn ngày xưa ra ngự du ở Ngọc-hồ, gặp một nàng mi nữ, truyền rước về để làm cung-phi. Nàng ngồi trong kiệu, đi đến Quảng-văn-đình tức là Chợ-cửa-nam ở Hanoi bây giờ thời nàng biến mất. Vua Lê mới biết là tiên, có ý nhớ mà lập đền thờ. Hiện đền Vọng-Tiên còn ở phố hàng Bông cạnh số nhà 120. Nàng tiên này đến mười lăm năm sau lại hiện xuống lấy ông Tú-Uyên, rồi cùng ông hóa ở cảnh Bích-Câu gần Thành Thăng-Long.

Truyện trên này tuy là huyền, nhưng nay hãy còn di tích, vậy nói ra đây để lự-khảo.

Bài hát

Vùng nguyệt cung Hằng,
Xa trông vùng nguyệt cung Hằng,
Một mình thơ thần trắng vắng ra vào,
Nhớ nhớ dạo trước đường mây,
Đập diu gửi nhả giang tay chúc mừng,
Chạnh tiên nương,
Cung Văn-đình niềm trạnh tiên nương,
Nhớ, đêm thanh vắng vẫn vương mái ngoài,
Mặt nước long lanh,
Sóng sánh, hồ mặt nước long lanh,
Chập chờn lá thắm nổi lên giữa dòng,
Long-vân hội cả.
Nay mừng gặp long-vân hội cả,
Chẳng ba sinh hương hỏa bén duyên,

Chàm pha bích-thủy trông lai láng,
Chàm pha bích thủy, đợi tiên-dồng thiên lý đưa thơ,
Ngọc hồ gió lốc phát phơ,
Đường bối rối vắn vơ,
Lòng càng thêm bối rối vắn vơ,
Khi say tiếng nói khi ưa miệng cười.

Thiên-Thai

Triều Vĩnh-bình, (hiệu vua Minh-đế.) đời nhà Hán, ở hạt Diêm-kê có một chàng thanh-niên tên là Lưu-Thần, nhân ngày doan-ngọ cùng bạn là Nguyễn-Triệu vào núi Thiên-thai hái thuốc.

Hai chàng đi lẫn quần thành ra lạc đường, không biết lối ra. Hết lương, bụng đói, lấy làm lo lắng, chợt ngảnh lên thấy cây đào tươi tốt, hai chàng liền hái quả mà ăn. (*hắn tiên gửi lại cho chàng*), rồi lại lần xuống chân núi, để tìm lối về. Song không tìm thấy đường, tần ngần nhìn quanh nhìn quẩn, thốt-nhiên thấy khe suối chảy dưới chân có nước vo gạo, (*đói cơm mà thấy nước vo gạo*) thời chắc rằng chỗ ấy có người, có thể cầu trợ đưa đường cho mình. Hai chàng đang dò đường đến nhà người ấy, thời nghe thấy tiếng người gọi tên mình. Tiếng gọi thanh tao hòa-nhã làm cho hai chàng hình như tỉnh giấc mộng trần, nhìn lên thấy trên đầu núi có hai người con gái tha thướt bóng hồng, gian tay chào vẫy. Hai chàng chèo lên giáp mặt, ngắm xem hai nàng nhan sắc tuyệt vời (*biết nàng nào của Lưu, nàng nào của Nguyễn?*) cười cười nói nói, dường như thân tình với mình đã lâu, mà rằng: « Đã không gió cấm mưa cầm, làm chi để khách tri-âm đợi chờ » (*Hắn hai chàng bấy giờ cũng muốn vung ra vài câu tú khẩu cảm tâm, nhưng không biết nếp tể thế nào, nên nghẹn nhời*). Rồi giắt tay đưa về động, đi qua một con đường đá, hai bên hoa cỏ tốt tươi, dường như chưa có vết chân người qua lại. Vào qua cửa động thời rõ ra một nơi cung cấm

cò lâu dài khuê các; khi giới mát-mẻ, cây cối tốt tươi. Hai chàng vào trong một cái lâu đài, đồ phục-ngự cực kỳ Chang-hoàng lịch-sự, mà không có một người đàn ông nào. Nghĩ bụng rằng người ta ở đời dù phong-lưu đặt cách đến đâu, tới đấy cũng phải tưởng mình như trong giấc mộng (nhưng tâm sự của hai chàng là chỉ tìm nhà có nước vo gạo mà thôi) Một lát mời hai chàng vào dự tiệc, thấy trong bàn tiệc có những thịt sơn-dương, có cơm gạo tám, có rượu đậu tằm, (chắc là rượu lậu) lại thêm kẻ hầu người hạ tấp nập, mà toàn đào bà cả. Kể đến những khách đến chơi (cũng toàn đàn bà) mỗi người mang vài quả đào lại, làm đồ mừng, rồi cùng nhau hát khúc nhạc tiên, thực là vui vẻ, mãi đến chiều khách ra về hết. Còn hai chàng lưu lại đấy làm lễ thành hôn với hai nàng tiên nọ.

Trong nửa năm giới hai chàng ở trong động Thiên-Thai riêng một cõi giới đất, ngày tháng rất dài. Khi giới lúc nào cũng hòa-dịu như cảnh mùa xuân. Đó thực là (miệt mài trong cuộc truy hoan, càng lưu-luyến cảnh càng dần dần tỉnh) Một đôi khi hai chàng nghe thấy tiếng chim kêu vượn hót, trạnh lòng nhớ cảnh gia hương, bèn đòi về hạ-giới. (biết đâu thế là đại).

Hai nàng tiên nọ than rằng : Tưởng rằng có phúc, đã đến được cõi tiên này, nào ngờ tội căn chưa hết, lại bỏ mà đi, đã đi thời không lại được nữa. Song cũng không cầm giữ, chỉ ngậm-ngùi, cùng các nàng tiên trong động, chúc rượu, ngâm thơ, mà tiễn đưa hai chàng ra khỏi cửa động). (Vi đoạn từ biệt này, mà người Trần mới biết truyện Thiên Thai).

Hai chàng từ giã, rồi theo đường đi ra, không mấy chốc ra đến đường cái, nhận ra phong phủng là lối cũ đường xưa, rồi đi thẳng về làng. Vào làng thấy khác hẳn, không thấy ai là người quen thuộc nữa. (Không biết khi ở trong động các nàng tiên có may mặc cho chàng chăng? nhưng đến lúc về thời hẳn tiên lại để cho ăn mặc như cũ. Có lẽ dân làng thấy ăn mặc không đúng một mà lại nói ở trên tiên về, thời họ đồ là rô đại gàn giở chi đây). Hỏi ra mới biết rằng từ lúc mình đi đến giờ, con cháu mình đã qua bảy đời rồi. (Từ Hán Minh-đế vào khoảng tây lịch năm thứ 58, đến Tấn Thái-khang vào khoảng năm 285, là được 227 năm, thế mà trên tiên chỉ là

có 6 tháng, thế thời ngày tháng tiến hơn ngày tháng trần những 454 lần. Trong khi hai chàng ở động Thiên-thai, dưới trần có giặc Hoàng-cân, nước phân Tam-quốc trong khoảng 50 năm giới, thế mà hai chàng điem nhiên không biết, thời hai chàng tiến thật.) Hai chàng không có chỗ nương tựa thành ra cầu bơ cầu bắt lại muốn vào Thiên thai, nhưng không tìm thấy đường nữa. (Lối tiên lại muốn hỏi dẫu, nước non man mát biết dẫu mà tìm, đại! ối chà đại...)

Đến năm thứ tám triều Thái-khang nhà Tấn, thốt nhiên không thấy hai chàng dẫu nữa.

Chuyện trên này là theo như sách TỤC-TỀ-HÀI-KÝ. Đã ở Hài-ký thời chuyện không thể thực được, chuyện Thiên-thai sở dĩ nhiều người nói đến, là do năm bài thơ của nhà thi-sỹ Tống-Ung đời Đường nghĩ chuyện Thiên-thai mà làm ra, thực là một áng văn chương tuyệt bút, phàm là thi-nhân xưa nay không ai là không ngâm ngợi, cho đến cả tao-nhân mặc-khách nước An-nam cũng phải thích, thích đến nỗi bắt cả ca-công ngâm hoài mà nghe không chán.

Dưới này tôi có giải nghĩa 5 bài thơ ấy và chép 5 bài thơ diễn nôm.

Còn như cách đào nương ngày nay ngâm thơ Thiên-thai là mượn giọng thanh-lao mà ngâm câu tuyệt bút, cho nên chỉ thường ngâm những bài chữ Hán mà thôi; hết mỗi bài thời hát bốn câu thông nôm là dịch toát yếu lại bài thơ chữ Hán. thực là cái thú tao-nhã văn-chương của tiền nhân, ta chớ coi thường, mà có khi nhầm lẫn.

Năm bài thơ Thiên-Thai

1

劉 晨 阮 肇 遊 天 台
宋 甌

樹	八	天	台	石	路	新
雲	和	草	靜	迴	無	塵
烟	霞	不	醒	生	前	事
水	木	空	疑	夢	後	身
往	往	鷄	鳴	岩	下	月
時	時	犬	吠	洞	中	春
不	知	此	地	歸	何	處
須	就	桃	源	間	主	人

BÀI THỨ NHẤT

- 1 — Thụ nhập Thiên-thai thạch lộ tân,
- 2 — Vân hòa, thảo tĩnh quỳnh vô trần.
- 3 — Yên, hà bất tỉnh sinh tiền sự,
- 4 — Thủy, mộc không nghi mộng hậu thân.
- 5 — Vãng-vãng kê minh nham hạ nguyệt,
- 6 — Thời-thời khuyến phệ đồng trung xuân.
- 7 — Bất tri thử địa qui hà xứ ?
- 8 — Tu tự Đào-nguyên vấn chủ-nhân.

Thông nôm

Cỏ cây chẳng chút bụi trần,
Lối vào chẳng biết rằng gần hay xa.
Xinh thay hỏi thú yên-hà !
Nguồn Đào ươm hỏi ai là chủ-nhân ?

GIẢI NGHĨA NÔM

BÀI THỨ NHẤT

(Hai chàng Lưu, Nguyễn vào chơi núi Thiên-thai)

- 1 — Theo dãy cây, vào núi Thiên-thai, đường đá vẫn mới.
- 2 — Trong đồng khi mây hòa-ấm, cỏ xanh-um, tuyết không có chút bụi trần.
- 3 — Đi đến đám dáng ủa mây xanh thời chẳng còn nhớ đến việc trước đời mình.
- 4 — Trông thấy nước trong cây tốt, trượt ngỡ là thân sau giấc mộng.
- 5 — Đi từng bước hăng nghe tiếng gà mơ bóng nguyệt mà gáy ở dưới khe. (1)
- 6 — Trượt một chốc lại nghe tiếng chó mừng khi xuân mà xủa ở trong đồng. (2)
- 7 — Ta đến đây, chẳng biết đất này thuộc về xứ nào?
- 8 — Vậy phải tới người Đào mà hỏi người chủ.

Dịch thơ-nôm

Một lối non tiên lạ gót trần,
Mây trời cỏ đất vẫn thanh-tân.
Ba sinh gặp-gỡ say vì cảnh,
Một giấc mơ-màng ngán cả thân!
Văng vẳng bên nham gà gọi nguyệt,
Vang vang trước đồng chó chào xuân.
Chẳng hay cảnh ấy về đâu tá?
Mong tới Đào-nguyên hỏi chủ-nhân.

(1 — 2) Hoài-nam vương An luyện thuốc tu tiên, khi đã thành tiên rồi, còn thuốc dính ở vạc, gà, chó ăn phải đều bay lên trời, vì vậy trên tiên có tiếng gà gáy, chó cắn.

劉 阮 洞 中 遇 仙

天 和 樹 色 藹 蒼 蒼
霞 重 嵐 深 路 渺 茫
雲 竇 滿 山 無 鳥 雀
水 聲 沿 澗 有 笙 簧
碧 沙 洞 裡 乾 坤 別
紅 樹 枝 邊 日 月 長
安 得 花 間 有 人 出
免 令 仙 犬 吠 劉 郎

BÀI THỨ HAI

- 1 — Thiên hòa thụ sắc ái thương-thương,
- 2 — Hà trọng, lam thâm, lộ điều-mang.
- 3 — Vân đậu mãn sơn vô điều-trước ;
- 4 — Thủy thanh duyên giản hữu sinh, hoàng.
- 5 — Bích xa đồng lý can khôn biệt,
- 6 — Hồng thụ chi biên nhật nguyệt trường
- 7 — An đắc hoa gian hữu nhân xuất,
- 8 — Miễn linh tiên khuyển phệ Lưu-Lang.

Thông rôm

Mây che khỏi tỏa cõi vàng,

Đường vào thăm-thăm mơ-màng bàng-khuàng

Phách khe đàn suối vang lừng,

Ước gì được kẻ tỏ chứng cho bay.

GIẢI NGHĨA NÔM

BÀI THỨ HAI

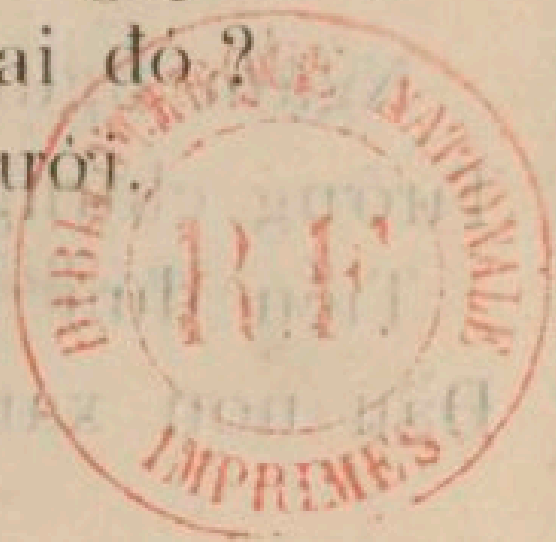
(Lư, Nguyên gặp nàng tiên ở trong động Thiên-thai)

- 1 — Trong động Thiên-thai, khi giới hòa dịu, sắc cây
đượm màu xanh xanh.
- 2 — Dáng giới nằng-nặng, khi núi âm-thâm, lối đi mù-
mịt xa thăm tuyết vời.
- 3 — Chân mây đầy núi, vắng tanh, không có con chim
con chóc nào.
- 4 — Tiếng nước chảy theo khe róc rách, dường như
có tiếng sáo tiếng笙.
- 5 — Trong động thời cát xanh biêng biếc, như riêng
một cõi giới đất.
- 6 — Trung quanh cây thời hoa đỏ hồng hồng, mà ngày
tháng rất dài.
- 7 — Mong sao được trong đám hoa có người ra đây.
- 8 — Khỏi để chó nhà tiên cắn chàng Lư.

Dịch thơ nôm

Một thốc (1) cây xanh đượm khí trời,
Gót trần vờ vẩn lối xa xôi.
Non ngăn điều trước từng mây tỏa,
Suối gào sinh hoảng tiếng nước xuôi.
Đồng biếc một bầu riêng cảnh lạ,
Hoa hồng muôn khóm nở ngày dài,
Trong hoa đón khách nào ai đó?
Chờ để nhà tiên chó lạ người.

(1) Thốc là một tróm



僊子送劉阮出洞

慙 慙 相 送 出 天 台
仙 境 那 能 却 再 來
雲 液 旣 歸 須 彊 飲
玉 書 無 事 莫 頻 開
花 畱 洞 口 應 長 在
水 到 人 間 定 不 回
惆 悵 溪 頭 從 此 別
碧 山 明 月 照 蒼 苔

BÀI THỨ BA

- 1 — Àn-cần tương tống xuất Thiên-thai,
- 2 — Tiên-cảnh na năng khước tái lai.
- 3 — Vân-dịch ký qui tu cường ẩm,
- 4 — Ngọc-thư vô sự mạc tần khai.
- 5 — Hoa lưu đồng khẩu ưng trường tại,
- 6 — Thủy đạo nhân-gian định bất hồi.
- 7 — Trù-trường khê đầu tòng thử biệt,
- 8 — Bích sơn minh nguyệt chiếu thương đài.

Thông nôm

Ngậm ngùi ra cửa Thiên-thai,
Tương chừng nước chảy hoa trôi ngại-ngùng.
Tiền đưa luống ngân ngọc lòng,
Đầu non xanh ngắt nguyệt lồng rêu in.

GIẢI NGHĨA NÔM

BÀI THỨ BA

(Nàng tiên tiên Lưu, Nguyễn ra cửa đồng Thiên-thai)

- 1 -- *Ăn-cần tiễn nhau ra cửa đồng Thiên-thai.*
- 2 -- *Đã từ biệt cõi tiên này mà đi, còn mong trở lại sao được nữa.*
- 3 -- *Chàng dầ về, thời rượu Ván-dịch tiễn chân đây nên gượng uống cho say.*
- 4 -- *Mà bức ngọc-thư trong đồng này, không có việc gì chớ hảng mở ra, mà tiết lộ chuyện tiên.*
- 5 -- *Từ đây hoa lưu lại cửa đồng này, vẫn nguyên ở đó mãi.*
- 6 -- *Nhưng, dòng nước chảy đến nhân-gian, thời hẫu không có thể trở về được nữa.*
- 7 -- *Ngậm ngùi ở đầu ghềnh từ đây già nhau.*
- 8 -- *Chỉ còn trơ bóng giăng thanh, ở núi biếc soi xuống lớp rêu xanh mà thôi.*

Dịch thơ nôm

Một chàng, một thiếp, một Thiên-thai.
Cảnh ấy chừng bao lại gặp đây?
Chén rượu đưa chân xin gượng nhấp,
Bức thư vắng mặt chớ liên coi.
Đành, hoa trong đồng còn thơm mãi,
Tiếc, nước ngoài trần luống chảy xuôi.
Rầu-rĩ đầu ghềnh từ đây nhẽ!
Núi xanh rêu trắng bóng trắng soi.

仙 子 洞 中 懷 劉 阮

不 將 清 瑟 理 霓 裳
塵 夢 那 知 鶴 夢 長
洞 裏 有 天 春 寂 寂
人 間 無 路 月 茫茫
玉 沙 瑤 草 連 溪 碧
流 水 豔 花 滿 澗 香
曉 露 風 燈 易 零 落
此 生 無 處 見 劉 郎

BÀI THỨ TƯ

- 1 — Bất tương thanh sắt lý Nghê-thường,
- 2 — Trần mộng na tri hạc mộng trường.
- 3 — Đồng lý hữu thiên xuân tịch-tịch,
- 4 — Nhân gian vô lộ nguyệt mang-mang.
- 5 — Ngọc-sa dao-thảo liên khê bích,
- 6 — Lưu-thủy đào-hoa mãn giản hương.
- 7 — Hiều lộ phong đăng dị linh lạc,
- 8 — Thử sinh vô xứ kiến Lưu-lang.

Thông nôm

Hoa trôi man-mát suối vàng,
Ai ơi nhớ khúc Nghê-thường cho chưa ?
Giăng kê cửa đồng trời trời,
Xuân về luống những ngẩn-ngơ vì chàng.

GIẢI NGHĨA NÔM

BÀI THỨ TƯ

(Nàng tiên ở trong洞 Thiên-thai nhớ hai chàng Lưu, Nguyễn)

- 1 — Từ khi tương biệt hai chàng, *biếng* đem tiếng đàn
sắt thanh tao mà lựa khúc Nghê-thường.
- 2 — Chắc giấc *mộng-trần* của hai chàng bấy giờ sao
dài bằng giấc *mộng-hạc* ở trên tiên này được.
- 3 — Thiếp ở trong *đồng* riêng có một cõi *giới* mà cảnh
xuân vắng-vắng;
- 4 — Chàng về *nhân-gian*, không có đường nào lại tìm
nhau, mà bóng *nguyệt mờ màng*;
- 5 — *Cỏ* dao ở bãi *cát* ngọc kia vẫn xanh biếc liền bên
suối.
- 6 — Hoa đào ở dòng nước chảy nọ vẫn hương thơm
đầy cả khe.
- 7 — Mà nay hai chàng đã vắng, thời cái tình cảnh tiêu
diêu, khác nào như nước mội sớm ngày, ngọn
đèn trước gió, dễ linh lạc vậy.
- 8 — Kiếp này không còn chốn nào được thấy chàng
Lưu nữa.

Dịch thơ nôm

Cung đàn biếng gảy khúc Nghê-thường,
Giấc mộng cùng ai tỉnh đoán trường.
Cảnh ở hang tiên xuân góa thiếp,
Lối về cõi tục nguyệt mờ chàng.
Liền khe cỏ biếc trời phò ngọc,
Đầy suối hoa hồng nước nổi hương.
Kiếp ấy ngọn đèn hong trước gió,
Bao giờ lại được gặp Lưu-lang.

劉 阮 再 到 天 台 不
(復 遇 諸 仙 子)

再	到	天	台	訪	玉	真
青	苔	白	石	已	成	塵
笙	歌	寂	寞	閒	深	崑
雲	鶴	蕭	條	絕	舊	鄰
草	樹	已	非	前	度	色
煙	霞	不	似	往	年	春
桃	花	流	水	依	然	在
不	見	當	長	勸	酒	人

BÀI THỨ NĂM

- 1 — Tái đảo Thiên-thai phỏng Ngọc-chàn
- 2 — Thanh đài bạch thạch di thành trần.
- 3 — Sinh ca tịch-mịch nhân thâm đồng,
- 4 — Vân hạc tiêu điều tuyết cự lân.
- 5 — Thảo thụ tổng phi tiền độ sắc,
- 6 — Yên hà bất tự vãng niên xuân.
- 7 — Đào hoa lưu thủy y nhiên tại,
- 8 — Bất kiến đương thời khuyến tử-nhân.

Thông nôm

Cỏ cây xem những tần ngần,
Yên hà năm trước mười phần khác xa.
Nào là lưu-thủy đào-hoa,
Hỡi người khuyến-tử nay đã ở đâu?

GIẢI NGHĨA NÔM

BÀI THỨ NĂM

(Hai chàng Lưu Nguyễn lại đến núi Thiên-thai
thời không gặp tiên nữa.)

- 1 -- Lại đến núi Thiên-thai hỏi nàng Ngọc-chàn.
- 2 -- Thời chỉ thấy rêu xanh đá trắng đã thành bụi đầy
- 3 -- Cửa đồng sâu đóng chặt, lặng lẽ cả tiếng hát,
dịp sinh ;
- 4 -- Láng-diềng cũ vắng tanh, tiêu điều vắng bóng.
mây vết hạc.
- 5 -- Cây cỏ khác hết sắc buổi xưa.
- 6 -- Dáng mây không giống xuân năm trước.
- 7 -- Hoa-dào dòng nước vẫn nguyên ở đó.
- 8 -- Mà không thấy người chuốc rượu khi xưa nữa.

Dịch thơ nôm

Non tiên lối trước lại lần sau,

Đá trắng rêu xanh khác mọi màu.

Đàn hát đồng kia sao vắng vắng,

Hạc mây xóm nọ sạch lâu lâu.

Cây xưa bóng núi thay vừa hết,

Sắc cũ xuân trời quanh đã lâu.

Hoa nở nước trôi y mãi đó,

Chén mời nào kẻ bấy giờ đâu?

Xích-Bích

Tô-Thức tự là Tử-Chiếm, là một nhà đại văn-hào đời Tống, làm quan trải hai triều vua nhà Tống Nhân-Tôn và Thần-Tôn. Năm ông 47 tuổi, vua Thần-Tôn tin dùng Vương-an-Thạch, biến đổi chính-pháp. Ông vì bàn việc trái ý, bị giáng trich ra ở Hoàng-Châu.

Ông ra đây làm chức Thông-phán, trước ngụ ở đình Lâm-cai sau làm nhà ở đất Đông-phá. Nhân khi làm nhà trong khi mưa tuyết, ông mới vẽ cảnh mưa tuyết vào bốn vách, mà gọi đây là Tuyết-đường và xưng hiệu là Đông-phá cư-sĩ.

Chỗ ông ở là cảnh sơn-thủy buồn-rầu, ông mượn cảnh ấy và nhân khi mùa thu ông đi chơi thuyền, và mùa đông ông đi chơi bộ từ Tuyết-đường về Lâm-cai, mà làm ra hai bài phú cảm khái.

Hai bài ông đề-nhan là Tiền Xích-bích và Hậu Xích-bích.

Nguyên truyện Tam-quốc như thế này: Năm thứ 13 niên hiệu Kiến-an, vua Hiến-đế nhà Hán, Tào-Tháo từ Giang-lăng đuổi Lưu-Bị, thuận dòng nước kéo quân xuống phía đông. Lưu-Bị cầu cứu với Tôn-Quyền. Quyền sai Chu-Du đem ba vạn binh ra chống cự. Bộ tướng Chu-Du là Hoàng-Cải xin dùng kế trá hàng, chờ có gió đông nam, đem chiến-thuyền xông vào phóng-hỏa.

Chiến-thuyền của Tháo, mắc kế liên hoàn cái nọ ken với cái kia, trúng kế không chạy được, bị đốt, cháy hết. Lửa bốc lên dữ dội, đến nội chung quanh đây, sườn núi đá bị lửa mà thành đỏ cả, về sau gọi chỗ ấy là Xích-bích, nghĩa là tường đỏ.

Chỗ ấy là Kinh-châu, thuộc về Hồ-Quảng, vào khoảng Dương-dương Di-lăng.

Còn như chỗ ông Tô Đông-phá đi chơi thời ở Hoàng-châu, Hạ-khâu, Vũ-xương đều là về phía tây. Nguyên núi ở miền ấy toàn là đá đỏ. Ông Tô mượn cảnh mà cảm-hoài, mượn chữ Xích-bích làm tài-liệu để dẫn cổ tích Tào-Tháo đó thời chứ không phải là nhầm.

Trong bài phú thứ nhất ông chê người xiêm ninh, nên đến nỗi ông phải bị đầy, nhưng ông đối với non sông, ông càng vui sướng. Ông cho cuộc đời qua mắt thành không, đến như Tào-Tháo lừng lẫy trong đời, cũng chỉ qua một đời mà thôi.

Song nghĩ lại rằng : giới đất sinh ra người lúc nào cũng có người anh hùng như Tào-Tháo, tỷ như vùng giăng khi khuyết khi tròn, nhưng không bao giờ hao mòn đi được, như con sông khi đầy khi vơi, nhưng không bao giờ cạn hết nước được. Vậy nên không kể chi việc cũ, mà nên vui thú với non sông.

Bài thứ hai ông tả cảnh khổ sở của ông, nhưng ông là người khí khái anh-hùng, đối với cảnh u sầu, mạo hiểm bao nhiêu, thời ông càng can đảm bấy nhiêu.

Cuối bài ông mượn truyện tiên-phong-đạo-cốt để tỏ cách lồi-lạc phóng-khoảng của ông.

Hai bài phú này đặt lối cổ-phong, truyền lại từ đời Tống đến nay, thực là bài văn-chương bút-lực rất kỳ-ảo ; trong một cảnh mà bài trước tả khác bài sau tả khá, rõ ra cảnh mùa thu với mùa đông.

Cận-lai các cụ dịch ra nôm, thể triết-liều, để cho Đào-trương đọc. Nay tôi xin giải nghĩa dưới này :

BÀI HÁT

Tiền Xích-bích

- 1 Năm Nhâm tuất mùa thu tháng bảy,
- 2 Sau ngày rằm hây-hây gió biiu,
- 3 Tô-công cùng khách dập dìu,
- 4 Xuống dòng Xích-bích thuyền chèo dạo chơi,
- 5 Thong thả lại thời hơi gió mát,
- 6 Phẳng lặng thêm mặt nước êm lờ,
- 7 Cùng nhau chuốc rượu, ngâm thơ,
- 8 Câu thơ, tiếng hát sóng đưa rập rờn.
- 9 Thoát bóng thỏ chênh-chênh đỉnh núi,
- 10 Dần-dà lên chừng lối sao Ngưu.
- 11 Ngang sông sương xuống bạc phau,
- 12 Da giới sắc nước một màu như nhau.
- 13 Thuyền một lá buồm đầu mặc đó,
- 14 Nước muôn trùng bến đỗ nào hay.
- 15 Thênh-thênh bề rộng sông dài,
- 16 Xem như cưỡi gió, nương bay lên giới.
- 17 Nhường phôi-phối ra người di-thể,
- 18 Cõi trần-phàm mấy kẻ dăng tiên ?
- 19 Cùng nhau cất chén gô thuyền,
- 20 Hát đưa chèo quế theo miền Lưu-quang.
- 21 Đêm khuya khoắt mơ màng lòng khách,
- 22 Người cù-lân xa cách phương giới.
- 23 Bông đầu có khách lạ đời,
- 24 Thời tiêu hòa hát như khơi mối sầu.

Giải Nghĩa

- 1 Mùa thu năm Nhâm-Tuất (là năm thứ tư niên-hiệu Nguyên Phong nhà Tống, tức là năm 1082).
- 2 Sau tuần rằm tháng bảy.
- 3 Tô Đông-pha cùng khách.
- 4 Bơi thuyền đi chơi ở dưới núi Ních-bích.
- 5 Gió hiu hay-hiếu.
- 6 Làn nước êm đềm.
- 7 Tô-tử cất chén rượu mời khách.
- 8 Mà bát chương Yếu-diệu trong thơ Minh-nguyệt (1)
- 9 Một lát mặt giăng mọc lên đầu núi Đông-sơn,
- 10 Rồi từ-từ theo phía sao Ngự, sao Đầu (tức là phương Bắc) lên cao mãi.
- 11 Bấy giờ trông rõ ra móc trắng phủ ngang sông.
- 12 Bóng nước sáng lộng với da giời.
- 13 Thuyền ông Tô buồng trôi tha hồ đi đâu thời đi.
- 14 Vượt lèa cồn tít mù muôn khoảnh (100 mẫu là 1 khoảnh)
- 15 Mòng mênh chẳng biết đâu là bờ.
- 16 Nhẹ nhàng như cưỡi gió đi trên không.
- 17 Hớn-hở sung sướng như người quên đời đứng một mình,
- 18 mọc cánh mà bay lên tiên.
- 19 Ông Tô cùng khách đánh chén vui quá, gõ mạn thuyền mà hát (2)
- 20 Tiếng hát đưa theo bóng giăng tỏ mà vượt làn nước trong.
- 21 Ấy là đêm khuya ông Tô nhớ đến
- 22 bạn làm quan trong Triều xa cách mình.
- 23 Bỗng có ông khách thời sao,
- 24 lựa giọng hát mà họa.

(1) Chương Yếu-diệu trong thơ Minh-nguyệt Trần-phong, ý chê người làm quan không chuộng người hiền, mà chỉ ưa gái đẹp.

(2) Hát rằng: Quế-trạo hề lan-tương, kích không-minh hề tổ lưu-quang; diều diều hề dư hoài; vọng mỹ-nhân hề thiên nhất phương. Dịch nôm là: Thung thăng thuyền quế chèo lan, Theo vầng giăng tỏ vượt làn nước trong. Nhớ ai cánh cánh bên lòng, Nhớ người quân-tử ngóng trông bên giời.

Chữ mỹ-nhân dịch là quân-tử. Mỹ-nhân ở đây chỉ về những người cùng làm quan với mình trong triều, ý là nhớ bạn.

- 25 Khúc ai-oán mấy câu ruột đứt
26 Tiếng véo-von chẳng dứt tơ mảnh.
27 Hang Giao độn mùa u-linh,
28 Thuyền lý-phụ khóc một mình ai hay.
29 Ông Tô mới chau mày ngồi ngất,
30 Hỏi khách rằng : Sầu-sắc làm sao !
31 Khách rằng : « Thi cổ thanh tao,
32 « Mấy câu còn nhớ lúc Tào sang Ngô.
33 « Đông Tây giáp hai đò ngảnh lại,
34 « Non sông cùng một dải liền không.
35 « Vì ai ngăn đón gió đông ?
36 « Chu-lang làm khốn Tào-công lúc chừ.
37 « Kể từ lúc xuất-sur mệnh-tướng,
38 « Phá Kinh-châu rồi xuống Giang-lăng.
39 « Biết bao tướng-sĩ mà rằng,
40 « Thuyền chen ngàn dặm, cờ dăng rợp giời.
41 « Rượu ráo chén coi người như cỏ,
42 « Thơ ba câu giáo trở qua sông.
43 « Khi xưa vẫn kẻ anh-hùng,
44 « Mà nay ai biết anh-hùng là dâu !
45 « — Ta vốn những cùng nhau ao-ước,
46 « Ngự với Tiều là nước riêng ta.
47 « Bạn bè mi-lộc, ngư-hà,
48 « Thuyền-lan đưa đón, tiệc hoa khuyen mời.
49 « Cảnh phù-du gửi người mấy chốc,
50 « Vì xem như hạt thóc bể khơi.

- 25 Tiếng sáo nào-nùng rền-rĩ như sầu, như thảm, như
khóc, như than.
- 26 Tiếng dư-âm vẫn còn văng vẳng như sợi tơ hồ đứt.
- 27 Làm cho con thường-luồng ở dưới vực sâu phải múa
mệnh ;
- 28 Người đàn bà goá ở trong chiếc thuyền khác cũng phải
xụt xùi.
- 29 Tò-tử buồn rầu sắc mặt, sóc áo ngồi ngay ngắn.
- 30 mà hỏi khách rằng : « Bởi sao mà có tiếng nào nùng
làm vậy ? »
- 31 Khách đáp « Cầu Nguyệt minh tinh hi, ô thước nam phi (1)
- 32 « đó chả phải là thơ của Tào-mạnh-Đức khi đánh Đông-
ngô đấy ư ?
- 33 « Phía tây trông về Hạ-khẩu, phía đông trông về Võ-xương .
- 34 « núi sông quanh quất, vút thẳm giời xanh .
- 35 « đó chả phải là nơi Mạnh-Đức bị trận gió đông mà
- 36 « khốn với Chu-Du sao ?
- 37 « Kia đương lúc Tào-Tháo có binh hùng tướng mạnh
- 38 « phía Kinh-châu, hạ Giang-lãng, xuôi dòng mà xuống
« phía đông,
- 39 « Biết bao nhiêu tướng sĩ,
- 40 « thuyền bè ngàn dặm, cò tán rợp giời.
- 41 « Rót chén rượu đứng trên mặt sông.
- 42 « Cầm ngang ngọn giáo ngâm câu thơ (Đó là lúc Tháo
chưa bị trận hỏa-công, nên còn kiêu căng)
- 43 « Đó thực là bậc anh-hùng một đời,
- 44 « mà nay thì ở đâu ? (ông khách khéo mượn chuyện
để gợi mối thương tâm).
- 45 « Huống chi bác với tôi
- 46 « đánh cá kiếm củi ở trên bến sông này, .
- 47 « kết bạn cùng tôm cá, chơi bời với hươu nai.
- 48 « bơi một lá thuyền nhỏ, đem bầu chén mời nhau,
- 49 « khác nào như gửi thân con vờ ở trong giời đất.,
- 50 « như hạt thóc bỏ xuống bể khơi (ý ông so bì với Tào-Tháo),

(1) Nghĩa là giảng sáng sao thừa, quạ bay về nam, đó là nhờ
Tào-Tháo bĩ Lưu-Bị khi sang Đông-ngô.

- 51 « Thương người hồng chốc bồi-hồi,
52 « Khen sóng thôi lở lại bồi xưa nay.
53 « Muốn chấp cánh mà bay vút thẳm,
54 « Ôm vàng giăng ngời ngấm chẳng tròn,
55 « Biết rằng đời chẳng hay khôn,
56 « Xiết bao gió thắm kinh hời đời phen!
57 Tô rằng : — « Chớ kể chi sự trước,
58 « Khách biết chẳng, mây nước cùng giăng?
59 « Thử xem ngọn nước, bóng Hăng,
60 « Mấy tầng đi, lại, mấy tầng đầy voi?
61 « Kể lúc biển thời giờ cũng biển,
62 « Chẳng biển thời ta biết ta không.
63 « Đã không thời chớ dèo bông,
64 « Khen chi sông nước, mặc lòng phong-ba.
65 « Vả giờ đất vật đã có chủ,
66 « Chẳng của ta thời chớ tư hào.
67 « Trên sông gió mát bằng nao,
68 « Đầu non giăng giải biết bao của mình.

- 51 « thương cái đời ta không được mấy chốc,
52 « mà thêm được như con sông kia dằng dặc vô cùng.
(giả được như con sông, thời hơn Tào-Tháo nhiều, vì Tháo chỉ có bấy giờ mà thôi, con sông thời vẫn còn mãi mãi).
53 « Ta muốn mượn cánh tiên mà bay chơi cho thích,
54 « ôm vàng giăng tổ mà sống mãi ở đời.
55 « Biết rằng không thể sao được vậy,
56 « cho nên mượn hơi gió mà họa uên tiếng sáo sầu-thương này. »
- 57-58 « Tò tử nói : « Không kể chi chuyện ấy nữa, nhưng mà bác có biết nước với giăng không ? (bác cảm sự hưng suy của Tào-Tháo, vẫn là phải thực : nhưng bác không biết cái nhẽ nên thương, và cái nhẽ không nên thương. Nay, tôi lại nhân nước với giăng thí-dụ để bác nghe.)
59-60 « Sông chảy như vậy, mà chưa đã đi đâu mất, giăng khi đầy khi vơi như kia, nhưng không nhón lên mà cũng không bé đi chút nào. (Giăng với nước khuyết tròn đầy vơi, thời là nhẽ bác đã biết rồi, nhưng giăng nước không bao giờ biến đổi, thời là nhẽ bác chưa biết »
- 61 Lấy nhẽ biến mà nói, thời cuộc đời đất cũng chẳng qua trong một khoảng chớp mắt.
62 Lấy nhẽ không biến mà xem, thời vạn-vật với ta đều không hết được. (Giăng nước còn có khi khuyết khi tròn, khi đầy, khi vơi, thời vạn-vật cũng phải có biến. Lấy nhẽ biến mà nói, thời những anh-hùng như Tào-Tháo đến nay ở đâu ; tức như đời đất cũng có lúc biến cải, chớp mắt thành ra tích cũ cả. Nếu lấy nhẽ không biến mà nói, như giăng nước kia bao giờ cũng còn đó trơ trơ, thời Tào-Tháo đâu mất đi mà người sau như Tào-Tháo còn nhiều, đó là mọi vật với ta, không bao giờ cùng-tận.)
- 63 « Đã không biến, thời nghĩ chi cho phiền.
64 « Mà cần chi lại khen con sông dài kia làm gì ?
65 « Vả lại ở trong đời đất, vật nào có chủ ấy.
66 « Nếu không phải của ta, dầu một ly ta cũng không lấy
67 « Duy có ngọn gió mát ở trên sông,
68 « với vàng giăng trong ở trên núi (Việc Tào-Tháo chẳng qua tỷ như một đám công danh phú quý, không phải là việc của ông, nên ông không cần nói đến. Ông thích giăng trong gió mát, thời ông tự nhận là chủ-nhân-ông của non sông.)

- 69 « Tai nghe tiếng như binh ra rả,
70 « Mắt nhìn coi ngõ ả thanh-tản.
71 « Tiều không cấm, dụng không ngăn,
72 « Cửa trong giới đất riêng phần dôi ta.»
73 Khách nghe nói hà-hà nức dạ,
74 Chén rót đưa mặt hả khuyên mời.
75 Trong thuyền cuộc rượu vừa rồi,
76 Cùng nằm nào biết là giới rạng dòng.

- 69 « Tai ta nghe tức là tiếng hay,
70 « Mắt ta nhìn thành ra sắc đẹp.
71 « Lấy không ai cấm, dùng không bao giờ hết,
72 « Đó là kho vô-tận của Tạo-hóa, mà là cái thú chung
của bác với tôi.»
73 Khách nghe vậy, mừng mà cười, (*trước đang cuộc vui,
ông đem lại cảnh buồn rầu, đến giờ ông lại gạt nước
mắt mà cười*).
74 Rửa chén lại, rót rượu uống lần nữa. (*Trước vì một
hồi cảm-khái mà dừng tiệc rượu lại, đến giờ có
nhời cao-luận của Tô-tiên-sinh, vậy lại đánh chén dịp
nữa, thế mới thành bạn tri-âm, kỳ cho không phụ
giãng trong gió mát kia vậy*)
75 Đánh soạn cả đồ nhắm, mâm chén bỏ bề-bộn.
76 Gối vào nhau mà ngủ ở trong thuyền, chẳng biết rằng
giờ đã rạng đông.

BÀI HÁT

Hậu Xích-Bích

- 1 Lại ngày rằm tháng mười năm Tuất,
- 2 Tự Tuyết-đường về đất Lâm-ca.
- 3 Hoàng-nê hai khách theo vào,
- 4 Sương đầm-đìa ướt, cây xao-xác rời.
- 5 Trước mặt thấy bóng người tha-thuột,
- 6 Ngửa trông giờ vẽ nguyệt lung-linh.
- 7 Cùng nhau vui vẽ tâm-tĩnh,
- 8 Đường hoa tỏ nẻo dạo quanh hát rần.
- 9 Hát rồi lại thở than to nhỏ,
- 10 Tru hào không, mà khách có, sao đây?
- 11 Giăng ròi-rọi, gió hay-hay,
- 12 Gió giăng xiết nổi đêm này sao đang!
- 13 Khách rằng: Buổi chiều vàng gác núi,
- 14 Văng mẽ chài được túi cá đầy,
- 15 Miệng to, mà nhỏ nhỏ vầy,
- 16 Nhìn xem hình dạng cũng tầy cá lư,
- 17 Cá đã có sao chừ được rượu,
- 18 Ông Tô về dan diu hỏi nàng.
- 19 Nàng rằng: « Rượu dễ đợi chàng,
- 20 « Một bình vện để giữ giăng đã lâu »,
- 21 Mừng lúc ấy đeo bầu rử khách.
- 22 Một con thuyền « Xích-bích » chèo chơi.
- 23 Dòng sông róc-rách chầy xuôi,
- 24 Trên ngàn nước suối cách đôi mấy tầm.
- 25 Non chót-vót, giăng tằm-tấp nhỏ,
- 26 Nước phau-phau đá tổ tổ bày.
- 27 Chử từng ngày tháng mấy mươi,
- 28 Non sông sao đã gheo người tương-tri!
- 29 Tô vện áo liền đi lên bộ,
- 30 Leo đá đi vạch chỗ đám chòm.

Giải Nghĩa

- 1 Rằm tháng mười năm ấy,
- 2 Ta đi bộ từ nhà Tuyết-đường về đình Lâm-ca.
- 3 Có hai ông khách theo ta, qua bờ Hoàng-nê,
- 4 Bấy giờ sương móc đã xuống, lá cây lơ thơ.
- 5 Cúi xuống thấy bóng người,
- 6 ngẩng lên thấy vàng giăng trong.
- 7 Trông nhau mà vui,
- 8 vừa đi vừa xướng họa với nhau.
- 9 Rồi mà than rằng :
- 10 — « Có khách, không có rượu, có rượu, không có nhấm,
- 11 « giăng trong, gió mát,
- 12 « sao cho sừng-đáng cảnh đêm vui này ! »
- 13 Khách nói: — « Ấy, vừa lúc chập tối,
- 14 « Tôi cất vò được con cá,
- 15 « miệng to, vảy nhỏ,
- 16 « hình-dạng như cá lư sông Tùng-giang,
- 17 « nhưng tảo đâu được rượu đây ? »
- 18 Ta bèn về bàn với mẹ đi.
- 19 Mẹ rằng : — « Có chứa vò rượu đã lâu,
- 20 « để phòng khi bất-kỳ ta cần đến, »
- 21 Sương quá, ta liền đem rượu với cá,
- 22 lại xuống thuyền đi chơi dưới núi Xích-bích. (*không định trước, chỉ nhân có khách, có giăng, có chén mà đi chơi*).
- 23 Dòng sông chảy róc rách,
- 24 cách bờ ngàn thước (*tháng bảy trước, bóng nước lồng da giới, nay dòng nước cách bờ ngàn thước*).
- 25 Núi cao bóng giăng nhỏ,
- 26 nước xuống đá trơ ra. (*thêm một phong cảnh khác*)
- 27 Nào ngày tháng có bao lâu,
- 28 mà phong-cảnh non sông đã không nhận được nữa.
- 29 Ta mới vén áo mà lên bờ,
- 30 trèo lên sườn đá cheo-leo.

- 31 Sấn ngàn rông, rần, beo, hùm,
32 Ngựa vin tổ hoạt, cúi dờm Phùng-di.
33 Khách lẻo-đẻo khôn đi theo kịp,
34 Tiếng kêu dài vang giạt cổ cây.
35 Âm âm núi động hang bay,
36 Áo-ào gió giục rây-rây mưa phùn.
37 Ông Tô nghĩ lại buồn mà sợ,
38 Dạ bàng-khuàng vội trở gót hải.
39 Xuống thuyền cùng khách ran tay,
40 Buông dòng nước chảy đó đây cũng là.
41 Đồng hồ cạn, đêm đà hầu nửa,
42 Khắp chung quanh ai kẻ đàn hòa.
43 Miền đông có bặc bay qua,
44 Cánh xoay tròn vẹn, lông pha trắng nhờ.
45 Chắp cánh vỗ xa đua tiếng hót,
46 Sấn ngang thuyền bay phụt về tây.
47 Đêm đông càng khắc càng chầy,
48 Khách đi dậm liễu chủ say giấc hờ.
49 Thấy đạo-sĩ áo xèo phất-phời,
50 Qua Lâm-cao lễ vái hỏi rằng:
51 « Chơi sông Xích-bích vui chăng? »
52 Hỏi tên nào có nói năng điều gì.
53 « Than ôi ! ta còn ngờ chi nữa,
54 « Lúc chơi thuyền trong giữa đêm rồi.
55 « Múa lông dểng tiếng lừng giời,
56 « Qua thuyền ta đó phải người chăng là? »
57 Đạo-sĩ ngảnh mặt hoa cười nụ,
58 Ông Tô tan giấc ngủ liền kinh.
59 Vội vàng mở cửa trông quanh
60 Tăm hơi nào thấy đỉnh-ninh chút nào.

- 31 Sấn vào đám cỏ rậm rạp mà cưỡi lên lưng beo hùm,
leo lên mình rồng (*tức là ngồi lên chồm đá, leo lên
cành cây con*)
- 32 Với lấy tổ chim hoát, cúi xuống cung Phùng-di (*Cao
nhất là tổ chim cắt, sâu nhất là hang Thủy-thần, tức là
ông lên cao xuống thấp vậy.*)
- 33 Đến đấy hai ông khách không theo được nữa. (*có thể
ông mới viết nhân*)
- 34 Ta hét to lên một tiếng thời thấy cỏ cây rung động
- 35 hang núi vang âm.
- 36 Gió nổi lên ào ào, nước chảy đi cuồn cuộn. (*ông không ngờ
cái ý-khí sùng-khoái của ông, làm cho cả cảnh vật
cùng cùng ông mà sùng-khoái.*)
- 37 Ta thấy vậy cũng trột da mà ghê, rụng mình mà sợ,
- 38 tròn-trợn không thể ở lại được nữa,
- 39 trở lại mà xuống thuyền,
- 40 bơi ra giữa dòng mặc cho nó trôi vào đâu thời nghỉ
ở đó.
- 41 Bấy giờ đã nửa đêm,
- 42 bốn bề lặng-lẽ.
- 43 Chợt có con hạc từ phía đông bay lại ngang sông,
- 44 cánh tròn như bánh xe, xiêm đen, áo trắng.
- 45 Kêu «hạc-hạc» dài một tiếng,
- 46 sấn ngang thuyền ta mà bay về phía tây.
- 47-48 Một lát về nhà, khách từ biệt, ta cũng đi ngủ,
- 49 chiêm-bao thấy một người đạo-sĩ, mặc áo lông, phấp-
phới. (*Áo tiên dệt bằng lông chim*)
- 50 Đi qua dưới đình Lâm-cau, vái ta mà hỏi rằng :
- 51 — « Chơi Xích-bích có vui chăng? »
- 52 Ta hỏi họ tên thì người ấy cúi đầu không đáp lại.
- 53 — « Ồi thôi, ối thôi, ta đã biết rồi !
- 54-55 « Đêm hôm qua, vừa kêu vừa bay qua thuyền ta.
- 56 « Có phải là người đó chăng? »
- 57 Đạo-sĩ ngảnh lại nhìn ta mà cười.
- 58 Ta cũng giật mình tỉnh dậy.
- 59 mở cửa trông ra
- 60 thì không thấy gì nữa.

Phong lưu Ca-phở

Trước khi tôi xuất bản quyển thứ ba, trong quyển ấy cốt nhất tôi sẽ nói về cái cách chơi phong lưu của các cụ trong cuộc quỳnh-tương chuốc rượu với cô-đào, thời tôi in theo một tập một trăm bài hát-nói, đề nhan là *Phong-lưu Ca-phở*. Mỗi bài tôi có chú thích, giải nghĩa và phụ lời bình-luận ở sau.

Văn hát-nói thời nhiều, mà trọn được những bài đích đáng chỉnh-bản, không nhầm, thời phải nhờ nhiều nhà học-vấn chỉnh đính lại mới được.

Vậy tôi in thử dưới này mấy bài, xin độc-giả chur tôn cho biết như thế đã được chưa, và còn có chỗ nào sai lầm chăng?

1

Một mảnh tài tình cheo vạn cổ,
Gương ái ân lồ lộ soi chung,

Dải đồng tâm khấn khít chữ tương-phùng,
Đem duyên phận buộc vào trong mối chỉ.

Quân thị văn-chương khoa-bảng sĩ, (1)

君 是 文 章 科 榜 士

Thiếp vi khuê khôn tảo-tần nhân, (2)

妾 爲 閨 闈 藻 蘋 人

Khoa-bảng sĩ tảo-tần nhân,

Duyên những rắp nay Tần mai Tấn.

Bút hoa thảo đề thư oán-hận,

Mượn ai về đưa tới tận tri-âm,

Đã nguyên đôi chữ đồng-tâm.

• •

Đây là nhời trong một bức thư tình. Đại ý rằng : Kẻ tài tình mới có ái-tình, ái-tình mà trọn vẹn được, thời nghĩa ái-ân tiết-lộ ra trong sáng như gương. Thiếp với chàng đã

(1-2) Chàng là kẻ văn-chương đáng tài khoa-bảng.

Thiếp là người trong cửa buồng giữ lễ tảo-tần.

Tảo, tần là hai thứ rau dưới nước, điền ở thơ Thái-tần kinh Thi nói chuyện các bà Phu-nhân tray sạch đi hái rau để tế tôn-miếu.

khẩn khít đòi chữ đồng-tâm, là bởi duyên phận vậy. Chàng là người văn-chương tài khoa-bảng, thiếp là kẻ nội-trợ tảo tần; đã vì đòi chữ tương-phùng, nên thiếp mới thảo bức thư này.

II

Thế-sự thăng trầm quán mạc vấn, (1)

世事升沉君莫問

Yên ba thám-xứ hữu ngư-châu, (2)

煙波探處有漁舟

Vắt tay nắm nghĩ truyện đầu đầu,
Đem ảo-mộng (3) đấu với chân-thân (4) thời cũng mệt,
Duy giang thượng chi thanh phong, (5)

Dữ sơn gian chi minh nguyệt, (6)
Kho giờ chung mà vô-tận của mình riêng, (7)

Cuộc vòng tròn đành có khuôn-thiên, (8)

Ai thành-thị mà ai lâm-tầu. (9)

Gõ dịp đọc câu thơ Tiến-tử : (10)
« Quân bất kiến Hoàng-hà chi thủy thiên thượng lai... » (9)
Làm chi chơ nhọc một đời.

Bài này truyền là của cụ Cao Bá-Quát làm ra, để giải cái chí nhàn-dật cao-thượng của mình, ý nói :

(1-2) Câu thơ ở Đường-thi, nghĩa là : Việc đời bồng-chìm người chơ hởi chi, kia chốn khói sóng sâu xa kia có chiếc thuyền chài,

(3) Ảo-mộng, 幻夢 là giấc mộng huyền-ảo.

(4) Chân-thân 真身 là chữ nhà Phật, là trở cái chân tinh-thần.

(5-6-7) Bài phú Tiền-xích-bích có những câu : « Duy giang thượng chi thanh phong, dữ sơn gian chi minh nguyệt, vân vân... Thị tạo-vật giả chi vô tận tàng dã » 維江上之清風與山間之明月是造物者之無盡藏也 nghĩa là : Duy có gió mát ở trên sông và giăng trong khoảng núi,...đó là kho vô-tận của giời đấy.

(8) Khuôn-thiên là trở cái cơ mầu nhiệm thiên liêng của tạo-vật.

(9) Lâm tầu 林藪 là rừng rậm.

(10) Bài thơ Trương-tiến-tử của ông Lý-Bạch, có những câu. « Quân bất kiến Hoàng-hà chi thủy thiên thượng lai奔流到海不復回 » Nghĩa là : Người chẳng thấy nước sông Hoàng-hà từ trên giời đổ xuống, đều dồn xuống bể không trở lại nữa, (là ý nói : cuộc đời như nước chảy xuôi, qua rồi thời không còn gì nữa.)

Việc dời lên xuống người chèo hỏi chi, kia chiếc thuyền chài ở chốn khói sóng sâu-sâu kia ; là cách nhân-dật của người cao-ẩn đó. — Nay chuyện dời thay đổi, qua mắt thành không, khác nào như giấc mộng huyền, thời hơi đầu mà nghĩ cho mệt. — Duy có gió, giăng kia là kho chung của giới, nếu biết lấy mà dùng thời không bao giờ hết, ấy là của riêng ta. — Vậy thời ra ai ham danh lợi mà ở nơi thành thị, ai thích nhân-dật mà ở chốn núi-rừng, là bởi khuôn thiêng của tạo-vật tinh trước cho cả. — Bởi thế cho nên ta gờ dịp mà hát câu thơ Tiến-lữ, mà tiêu-giao chẳng cần chi cho nhọc.

III

Tầm-dương giang đầu dạ tổng khách (1).

Mảnh gương thu chênh-chếch phủ bên thuyền.

Đàn Tỳ-bà ai khéo gảy nên?

Xui lòng khách thiên nhai (2) luống những.

Ai oán nhẽ bốn dây vắng vắng.

Nôi-bất bình như khắp, như tổ, như oán, như than!

Nực cười thay cái phận hồng-nhan,

Nào những khách Ngũ-lăng (3) đâu vắng tá ?

Yên thủy mang mang thiên ngũ dạ. (4)

煙 水 茫 茫 天 五 夜

Tỳ bà khúc khúc nguyệt tam canh. (5)

琵琶 曲 曲 月 三 更

Bến Tầm-dương cảnh ấy xiết bao tình.

Chiếc thuyền những đi về trong bóng nguyệt.

Người viễn-thú (6) biết chẳng chẳng biết.

Khúc đàn này biết tỏ cùng ai.

Giang-đầu hạnh hữu khách lai. (7)

(1) Đêm tiễn khách ở bến sông Tầm-dương.

(2) « 天涯 » thiên nhai là bên giới, ý là khách ở xa.

(3) Ngũ lăng « 五陵 » là chỗ nhiều khách vương-tôn công-tử.

(4) Khói nước mù mịt giới năm canh.

(5) Đàn Tỳ-bà ti tỉ giăng canh-ba.

(6) Viễn thú « 遠戍 » là đi thú xa.

(7) Bên sông may có khách lại.

Bài này tổng quát cả bài Tỳ-bà hành của Bạch Cư-Dị đời Đường.

Đang đêm thu, bóng giăng chênh chếch, bến sông phẳng lặng, tiên-sinh liền bạn đứng ở dưới thuyền, chợt nghe thấy tiếng đàn Tỳ-bà, thoi như xui tấm lòng buồn rầu của tiên-sinh biết bao. Vả lại tiếng đàn như khóc, như rên, như oán, như than, hỏi ra mới biết là tiếng đàn bát-bình của người đàn bà cũng long đong như mình.

Mà cũng nực cười thay, tiên-sinh phải giăng-trích đầy dọ ở nơi cùng-tịch là chỗ Bồn-Giang đã dành đi rồi; có sao cái phận hồng-nhan kia mà cũng phải đến đây như vậy? Thế thời những khách Ngũ-lang là khách làng chơi đi đâu cả? — Suốt năm canh, cảnh giới khói nước mù mịt — Giữa canh ba tiếng đàn Tỳ-bà ti tĩ, thoi cái cảnh bến Tâm-dương này chan-chứa xiết bao tình, luống để dưới bóng giăng cho nàng lơ lửng trong chiếc thuyền một mình. Ới hỡi, những khách viễn-thú kia, có biết tình cho nàng chăng? mà để khúc đàn nàng gảy cùng ai? Ấy may mà có Tư-Mã Giang-châu đến đó thời nàng mới giải được tâm sự của nàng.

IV

Thu-thủy trường-thiên nhất sắc, (1)

秋水長天一色

Người phong-lưu đối cảnh phong-quang.

Giăng, giăng bạc, (2) gió, gió vàng, (3)

Giục lòng khách tha-hương tình khiến-hứng.

Chén rượu hoàng-hoa (4) cơn chênh-choáng,

Câu thơ bạch-tuyết (5) lúc ngâm-ngà.

Bạn cùng tuyết nguyệt, phong hoa,

Lấy thi, tửu, cầm, ca làm thích-chí.

(1) Bóng nước mùa thu lồng với da trời, trông xa như in một vẽ. (Chữ ở bài « Đẳng-vương-các-tự » ở Cổ-văn).

(2) Bởi chữ « Nguyệt sắc như ngân 月色如銀 » Nghĩa là giăng mùa thu sáng như sắc bạc.

(3) Bởi chữ « Kim-phong 金風 » Vì mùa thu thuộc kim, cho nên gió mùa thu gọi là « gió vàng ».

(4) 黃花 Rượu hoa cúc vàng.

(5) 白雪 Thơ vịnh tuyết trắng.

Còn lưu-lạc mới trải mùi thể-vị,
Lúc phồn-hoa còn lắm vẻ xuân-tinh.
Tỉnh ra rồi mới giật mình!

* * *

Giời xanh, nước biếc, lẫn một màu — bóng giăng mờ-mờ,
gió thu hây-hây — là cảnh rất buồn. Day chỉ có người
phong-lưu đật-khách, tinh-tinh cao-thượng, là vui với cảnh ấy
mà thôi.

Người cao-thượng thời hay uống rượu, hay ngâm thơ,
bạn với giăng, với gió, với hoa, với tuyết. Cái thích của
hạng người đó là thi, là tửu, cầm, ca mà thôi.

Người cao-thượng cho là « người ta ở đời phải tang-
bồng lưu-lạc thời mới biết được truyện đời — có biết được
truyện đời, thời đến lúc vinh-hoa mới sướng — Song đến
lúc vinh-hoa mà nghĩ lại đến khi tang-bồng lưu-lạc, thời
cũng giật mình thay!

V

Buồng vẫn hé bóng rèm phong nguyệt,
Găm truyện người mà thăm thiết cho người.

Thúy-Kiều kia so bạn gái kém chi ai,
Sắc có một, mà tài chưa dễ mấy!

Kiếp trước có nợ-nần chi đấy,
Nên giờ xanh ruộng-rẫy má hồng.

Mười lăm năm trải mấy độ long-dong,
Dan-diêu mỗi tình chung chưa nở dứt.

Phong-trần chịu è-trề đà sạn mặt,
Chỉ vì chung chữ « hiếu » phải liều mình.

Há rằng duyên có phụ chi tình,
Giời có mắt làm thính sao được mãi.

Phong-tinh-lục cỏ thơm ghi để lại,
Ngàn thu gương hiếu ngãi còn in,
Rõ-ràng mở mặt cho nhìn.

* * *

Ngồi trong buồng vẫn, giờ truyện Thúy-Kiều ra xem
ngâm nghĩ mà thăm thiết cho người có tài; có tài mà chưa
dễ ăn ai.

Như Thúy-Kiều thời hân kiếp trước có nợ-nần gì, cho nên giới mới đầy đoái tấm thân mười lăm năm long-dong lưu-lạc, lại bắt khổ trong tâm vì chữ tình với chàng Kim-Trọng.

Con gái tài sắc như nàng Kiều, thời hân gặp được bước vinh-hoa phú-quí : thế mà vì chữ hiếu, mà phải liều thân, chịu lấy kiếp phong-trần, mặt đầy mày dạn — lại thêm tiếng phụ-tình — nghĩ mà tức với giới thực ! giới có mắt hay không ?

Nhưng thôi — nàng Kiều như thế cũng để được tiếng « con nhà hiếu thảo » ghi lại về sau, đáng làm gương cho bọn quần-thoa vậy.

VI

Cải duyên hay cái nợ-nần,

Đã xa xa lác, lại gần gần ghé !

Vết hồng còn ở tuyết-nê. (1)

Khi bay nào biết dòng tẻ với hồng. (2)

Ngó lui ngó tới,

Có một người văn-nhã nổi tài-danh.

Bấy lâu nay tình lại gặp tình,

Nhời nguyên ước vẫn đinh-ninh vàng đá.

蕭郎 — 遇 曾 相 許

Tiêu lang nhất ngộ tăng tương hứa. (3)

桂 殿 飄 香 經 幾 辰

Quế điện phiêu hương kinh kỷ hồi. (4)

Nợ tình tình rầy lắm chị em ơi,

Chót gian-diu đã vay thời phải trả.

Khi đón gió, khi chờ giăng, khi xem hoa, khi bẻ lá,
Đạo đồng-tâm nấn-ná biết là bao.

Một mảnh tơ con Tào khéo hay trêu.

Tiếng dầm-ấm lại chen vào cay ngát.

Mặn không mặn, nhạt mà không nhạt,

Gần không gần, xa mà cũng không xa.

Có chẳng ta biết sự ta,

(1) Bối chữ « Hồng chảo tại tuyết nê ». 鴻 爪 在 雪 泥 Nghĩa là : vết chân chim hồng ở đám bùn tuyết.

(2) Bối câu cổ-thi rằng : « Hồng phi bất phục cố đông tây ». 鴻 飛 不 復 顧 東 西 (Chim hồng bay không đoái lại phương đông hay là phương tây).

(3-4) Khi gặp chàng Tiêu đã chót lời hứa, hương ngát trên điện quế đã bao lâu rồi.

* * *

Bài này truyền là của cụ Tam-nguyên Yên-dồ, tả quan-
viên với cô-dào là tình-nhân cũ mà khi trước bị vợ ghen.

Cái tâm-lý những người trong mối tình này tả ra như
về từng nét, mỗi nét là một đoạn ngắn gọn.

Cứ thực ra khi phải chen vào cay nghiệt, thời phải thương,
phải nhớ, phải tìm lời — Song cái duyên này là cái nợ-nần
với cô-dào đó mà thôi, cho nên khi gần thời gần gồm gần
ghê, mà khi xa thời xa lắt xa lơ, xa cút một mạch, chẳng
doái hoài thương nhớ chi cả, khác nào như con chim hồng
đậu xuống cánh đồng tuyết, rồi khi vù cánh bay thời
chẳng ai biết nó bay về phương đông phương tây nào cả, họa
chàng chỉ còn cái vết chân nó đứng còn lại đó mà thôi.

Gặp cô-dào là tình-nhân cũ, hẳn phải bả-lả — mà dạm-dã.
Trong bụng hai bên đều tưởng nhớ đến cái nợ tình tình, nào
khi đón gió, khi chờ giăng, khi xem hoa, khi bẻ lá, những
lăm-lăm kết nghĩa đồng-tâm, đến lúc con Táo khéo hay trêu,
nên mới cao bay xa chạy. — mà thành dễ khách qua đường
hững hờ chàng Tiêu.

Đến bây giờ lại gặp nhau đây thời thế nào, lại như
trước nữa không ? hay là nhạt như nước lã ao bèo ?

Có chàng ta biết tâm-sự ta với nhau mà thôi — chứ
tình ta với nàng bây giờ mặn cũng không mặn, nhạt cũng không
nhạt, mà gần cũng không gần, xa cũng không xa.

VII

Nghe đàn nhớ lão Trung-Kỳ, (1)

Vợ mi ở đó mi đi mò chữ ?

Sớm khuya xe tàu phụng thờ,

Góa chồng thời cũng như chưa có chồng.

Nhàn vong cầm tại (2),

Vắng anh Hai mà hỏi lại chị Hai.

Tiền đây xin một đôi lời,

Đàn-bản ấy cùng ai so phẩm cũ.

(1) 鍾子期 Chung-Tử-Kỳ là người sành nghề đàn ngày xưa,
lại có ý mượn là người xứ Trung-kỳ.

(2) 人亡琴在 Người mất đàn còn.

Hồng phấn kỷ nhân vi quả-phụ, (3)

紅粉幾人爲寡婦

Bạch-dầu nan lão Trác Văn-Quân. (4)

白頭難老卓文君

Thế thời khi gió gác, lúc giăng sần,

Chừng bạch-tuyết dương-xuân (5-6) còn tưởng nhớ.

Hãy ngồi lại hát chơi lúc nữa,

Có trách chi tang chớ xóm Bình-khang. (7)

Xưa nay nghề nghiệp thế thường.

. . .

Bài này của cụ Thượng Văn-dinh Dương-Khuê, tả cái cách quan-viên gẫu chuyện tình với cô-dào :

Trong cái cảnh-ngộ chồng nàng vừa chết. Vốn chồng nàng là người đang trong, nghiện thuốc phiện, bình-sinh lại là kếp đàn của nàng, cụ tả ra thực xót gan cho người trong cuộc.

Phạm tán-tĩnh về mối tình, thời phải khích-thiết, mà khích-thiết như cụ, tưởng độc-địa lắm thay. Trước hết đem nhời bêu rêu mà dẫn đo. Sau lấy nhời triết-học mà tán mản.

Phải lắm ! — « Những kẻ kỹ-nữ kia có thể đứng vậy « làm người quả-phụ được không ? Gái hóa như Trác-Văn Quân « có đứng vậy được đến già không ? Thế thời góa chồng như « nàng bây giờ, thời khi gió gác, khi giăng sần, phỏng không « tưởng đến sự xuân tình được chăng ?

« Vậy thời cứ hát xướng đi, có ai chẻ trách dầu mà « sợ. Huống chi nghề nghiệp mình là chỉ đi ca xướng mà « thôi, dầu có thương, có tang, có sự khốn khổ trong lòng, cũng « phải gượng cười gượng nói mới phải. »

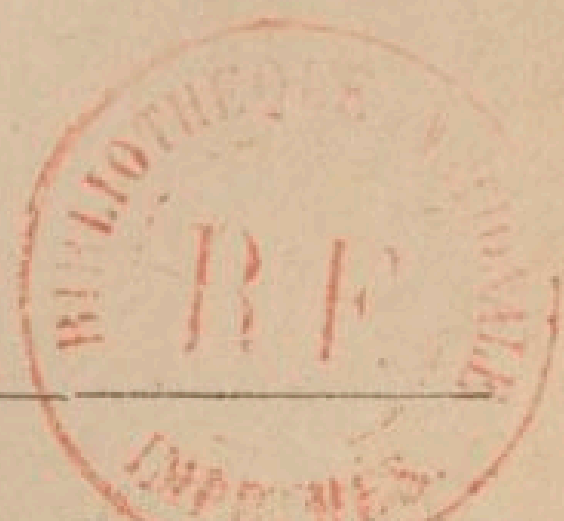
Quyển thứ ba sẽ tiếp theo

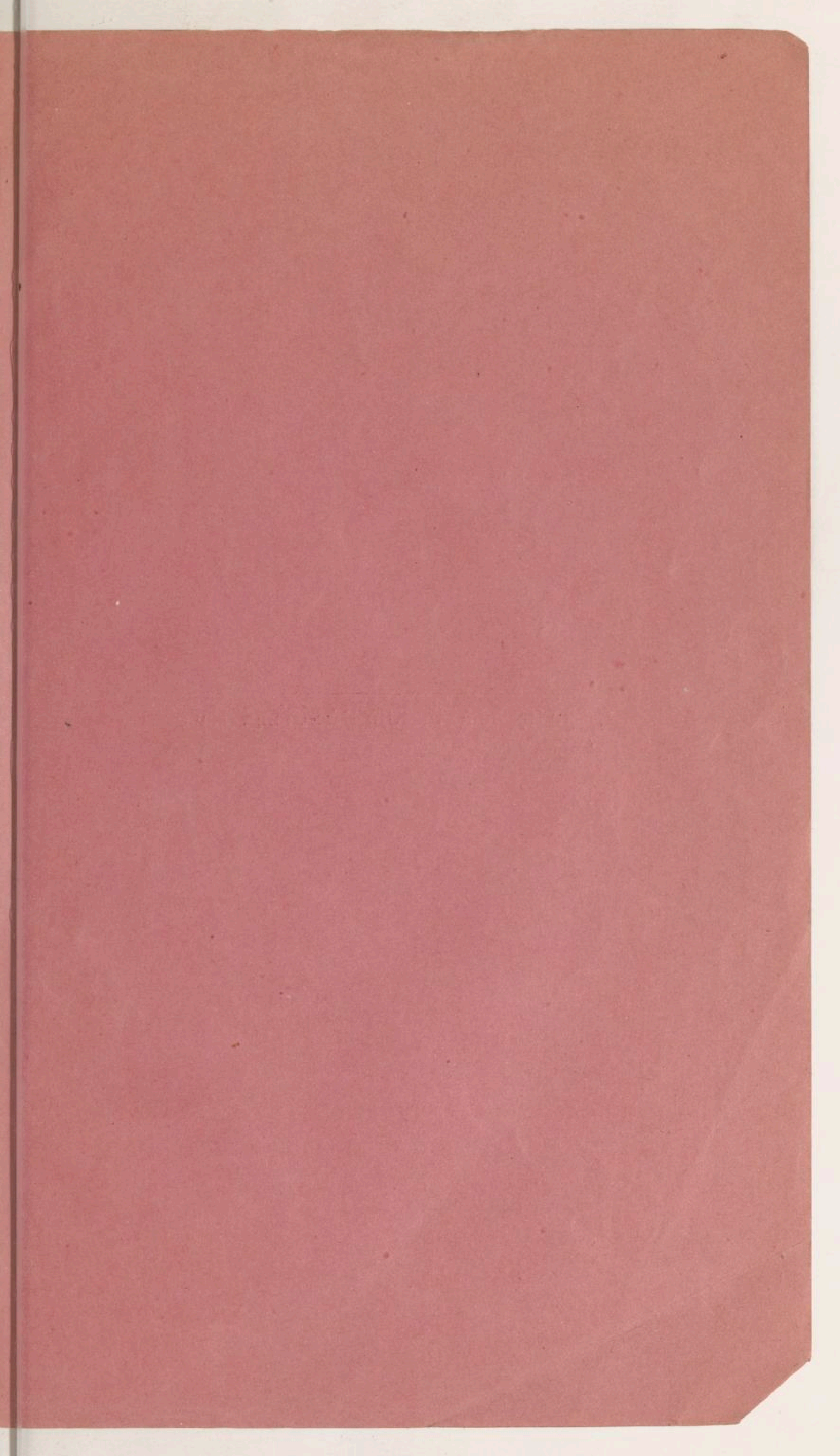
(3) Phấn hồng mấy người là gái hóa ?

(4) Trác Văn-Quân cũng khó ở già đến bạc đầu được. (Trác Văn-Quân là người đàn-bà hóa chồng, tri-âm và đa-tình, đêm nghe khúc đàn « Phượng-cầu-hoàng » của Tư-Mã-Tương-Như, liền phải lòng ngay.)

(5-6) 白雪陽春 « Bạch-tuyết Dương-xuân » là những khúc hát

(7) « Bình-khang » 平康 là xóm ả-dào.





Certifié avoir tiré

1.000 exemplaires

Hanoi, le 29 Juillet 1924

Imprimerie KIM-DUC-GIANG

[Signature]

In tại nhà in Kim-Đức-Giang, Hanoi
